

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH THÂM CANH CÂY LẠC TRÊN ĐẤT LÚA KÉM HIỆU QUẢ

Lê Quốc Thanh¹, Vũ Thị Khuyên², Nguyễn Thanh Phương²,
Lê Thanh Tùng², Nguyễn Thị Phương Lan³

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 2016 - 2018, Trung tâm Nông nghiệp Quốc tế của Hàn Quốc tại Việt Nam (KOPIA Việt Nam) đã phối hợp với Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS) thực hiện dự án “Phát triển và phổ biến tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp ở các vùng triển khai dự án Chương trình Hạnh phúc của KOICA tại Lào Cai và Quảng Trị” với mục tiêu phát triển và phổ biến các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân. Sau hai năm triển khai dự án tại tỉnh Lào Cai, Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông đã xây dựng được 6 mô hình trình diễn cho một số cây trồng chính, bao gồm: lúa, lạc, đậu tương và ngô. Năng suất của các cây trồng trong mô hình đều cao hơn so với ngoài sản xuất đại trà, lãi thuần đạt từ 12,82 triệu đồng/ha tới 36,01 triệu đồng/ha, trong đó mô hình sản xuất giống lạc L14 áp dụng kỹ thuật che phủ nilon và sử dụng dụng cụ gieo hạt đẩy tay cho lãi thuần cao nhất, đạt 36.010.000 đồng/ha, cao hơn so với sản xuất lạc trồng đại trà là 8.960.000 đồng/ha (vượt 33,1%); cao hơn sản xuất lúa là 20.310.000 đồng/ha.

Từ khóa: Giống lạc L14, mô hình thâm canh, chương trình hạnh phúc, KOPIA

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới thuộc miền núi phía Bắc của Việt Nam có diện tích núi đồi cao, sản xuất nông nghiệp luôn gặp phải khó khăn do điều kiện tự nhiên không thuận lợi. Diện tích đất lúa một vụ và diện tích đất không chủ động được nước ở vụ Xuân còn rất lớn với 19.827,7 ha tính đến 31/12/2014 (UBND tỉnh Lào Cai, 2015). Đây là nguồn tài nguyên chưa được khai thác, do đó việc đưa các giống cây trồng và biện pháp canh tác phù hợp để nâng cao hiệu quả trong sản xuất vụ Xuân trên diện tích đất này là vấn đề rất cần thiết, góp phần tạo thêm công ăn việc làm và tăng thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương.

Nghiên cứu này trình bày kết quả xây dựng mô hình sản xuất giống lạc L14 áp dụng kỹ thuật che phủ nilon và sử dụng dụng cụ gieo hạt đẩy tay trên chân đất không chủ động nước tưới trong vụ Xuân tại tỉnh Lào Cai.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống lạc L14 và lạc Sen đỏ địa phương (đối chứng); phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), vôi bột, nilon che phủ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Quy trình kỹ thuật áp dụng: Quy trình kỹ thuật sản xuất lạc che phủ nilon (Đỗ Kim Chung, 2011) và sử dụng dụng cụ gieo hạt đẩy tay với năng suất gieo hạt đạt 2000 m²/giờ.

- Phương pháp xây dựng mô hình (Ngô Thế Dân và ctv., 2000) .

+ Mô hình thâm canh (MHTC): Giống L14, phủ nilon và sử dụng dụng cụ gieo hạt đẩy tay với năng suất gieo hạt đạt 2000 m²/giờ.

+ Sản xuất đại trà (SXĐT) của dân gồm: Giống lạc Sen đỏ địa phương, không che phủ nilon, sản xuất và chăm sóc theo kinh nghiệm.

- Áp dụng phương pháp khuyến nông có sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng mô hình trình diễn, đào tạo tập huấn, tổ chức hội nghị đầu bờ.

- Phương pháp theo dõi mô hình: Các chỉ tiêu theo dõi được tiến hành theo hướng dẫn đánh giá và thu thập theo QCVN 01-57:2011/BNNPTNT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống lạc của Bộ Nông nghiệp và PTNT (2011).

- Phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế:

+ Dựa vào phương pháp hạch toán tài chính tổng quát để phân tích:

$$RAVC = GR - TC$$

Trong đó: RAVC - Return Above Variable Cost là Lợi nhuận; GR - Gross Return là tổng thu nhập thuần; TC - Total Variable Cost là tổng chi phí khả biến.

+ Phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình: Sử dụng phương pháp của CIMMYT (1988), xác định tỷ suất chi phí lợi nhuận cận biên Marginal Benefit Cost Ratio (MBCR).

¹ Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; ² Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông

³ Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp & PTNT 1

$$MBCR = \frac{(\text{Tổng thu của mô hình mới} - \text{tổng thu của mô hình cũ})}{(\text{Tổng chi của mô hình mới} - \text{tổng chi của mô hình cũ})}$$

Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới dựa theo giá trị của chỉ số MBCR như sau:

MBCR < 1,5: Mô hình mới cho lợi nhuận thấp, không nên áp dụng.

1,5 ≤ MBCR ≤ 2,0: Mô hình mới cho lợi nhuận trung bình, có thể chấp nhận được.

MBCR > 2,0: Mô hình mới cho lợi nhuận cao, chấp nhận cho phát triển.

- Phương pháp xử lý số liệu: Các số liệu thu thập được xử lý trên phần mềm máy tính bằng Excel.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trong vụ Xuân năm

2018 tại vùng đất không chủ động nước tưới tiêu thôn Hà, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số chỉ tiêu về sinh trưởng và phát triển của mô hình lạc

Số liệu bảng 1 cho thấy: Giống lạc L14 tỏ ra chiếm ưu thế khi được che phủ nilon, đất được giữ ẩm nên tỷ lệ nảy mầm đạt 97,3% và thời gian từ gieo đến mọc ngắn hơn giống đối chứng là 3 ngày. Các chỉ số chiều cao cây và số cành cấp 1/cây của giống L14 trong mô hình đều cao hơn giống lạc của địa phương; riêng thời gian sinh trưởng ngắn hơn giống đối chứng lạc Sen đỏ của địa phương 10 ngày.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu về sinh trưởng và phát triển của giống lạc L14 tại Xuân Giao - Bảo Thắng - Lào Cai, vụ Xuân 2018

Chi tiêu Giống	Gieo - mọc (ngày)	Tỷ lệ mọc (%)	Gieo - ra hoa rộ (ngày)	Cao cây (cm)	Số cành cấp 1/ cây (cành)	TGST (ngày)
MHTC	6	97,3	43	43,2	3,9	120
SXĐT (Đ/c)	9	93,8	42	41,4	3,8	130

Ghi chú: MHTC: mô hình thâm canh; SXĐT: sản xuất đại trà.

3.2. Đánh giá mức độ nhiễm một số sâu, bệnh hại chính của mô hình lạc

Quan sát tình hình sâu bệnh hại trên các giống trong và ngoài mô hình, cho thấy: Sâu xanh và sâu xám gây hại cả 2 giống ở mức trung bình, đặc biệt khi cây phát triển cành lá. Qua theo dõi bệnh hại nhận thấy giống đối chứng (giống lạc Sen đỏ địa phương) bị nhiễm bệnh héo xanh (điểm 3) và bệnh đốm nâu (điểm 7) nặng hơn giống L14 (điểm 1 và 5) lý do hạt giống không được xử lý nấm bệnh trước khi gieo, thêm vào đó là phun phòng trừ bệnh không đúng thời điểm.

Bảng 2. Tình hình sâu, bệnh hại chính của giống lạc L14 tại Xuân Giao - Bảo Thắng - Lào Cai, vụ Xuân 2018

Chi tiêu Giống	Sâu xanh (điểm)	Sâu xám (điểm)	Bệnh héo xanh (điểm)	Bệnh đốm nâu (điểm)
MHTC	5	5	1	5
SXĐT (Đ/c)	5	5	3	7

Ghi chú: Điểm 1: hại rất nhẹ; điểm 3: hại nhẹ; điểm 5: hại trung bình; điểm 7: hại nặng.

3.3. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của mô hình lạc

Số liệu bảng 3 cho thấy:

- Số quả chắc/cây của giống lạc L14 đạt 14,6 quả, cao hơn so với giống lạc Sen đỏ địa phương trồng đại trà là 4,3 quả chắc/cây.

- Tỷ lệ nhân của giống lạc L14 cao hơn giống đối chứng là 3%.

- Năng suất thực thu (NSTT) đạt trung bình 30,78 tạ/ha, cao hơn so với giống đối chứng là 22,14%.

Bảng 3. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống lạc L14 tại Xuân Giao - Bảo Thắng - Lào Cai, vụ Xuân 2018

Chi tiêu Giống	Mật độ (cây/ m ²)	Số quả chắc/ cây (quả)	Tỷ lệ nhân (%)	NSTT (tạ/ ha)	Tăng so với đối chứng (%)
MHTC	40	14,6	70	30,78	22,14
SXĐT (Đ/c)	32	10,3	67	25,20	-

3.4. Hiệu quả kinh tế của mô hình lạc L14

Số liệu bảng 4 cho thấy: Mô hình sản xuất giống lạc L14 có chi phí đầu tư cao hơn so với sản xuất ngoài đại trà (sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân kali, nilon che phủ) nhưng được áp dụng cơ giới hóa một phần trong khâu làm đất và gieo hạt kết hợp với kỹ thuật che phủ nilon nên đã giúp tiết kiệm rất nhiều chi phí về mặt nhân công (công làm đất, công gieo hạt, công làm cỏ) do vậy tổng mức đầu tư không cao hơn nhiều so với sản xuất theo phương thức truyền thống ngoài đại trà.

Lãi thuần thu được sau khi trừ tất cả các khoản chi phí từ mô hình sản xuất giống lạc L14 áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới là 36.010.000 đồng, cao hơn so với giống lạc địa phương sản xuất theo phương thức truyền thống là 8.960.000 đồng (vượt 33,1%). Giá trị MBCR so sánh giữa 2 mô hình cho thấy mô hình sản xuất giống lạc L14 áp dụng TBKT mới là mô hình cho lợi nhuận cao, chấp nhận cho phát triển (MBCR = 2,8 > 2).

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất lạc L14 so với sản xuất lạc ngoài đại trà tại Xuân Giao - Bảo Thắng - Lào Cai, vụ Xuân 2018

TT	Khoản mục	Mô hình thâm canh			Sản xuất đại trà			So sánh hiệu quả kinh tế giữa MHTC và SXĐT (đồng)
		Lượng (kg)	Giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Lượng (kg)	Giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
I	Khoản chi			40.940.000			35.950.000	
1	Vật tư			30.440.000			16.450.000	
	Giống	240	50.000	12.000.000	240	50.000	12.000.000	
	PhânHCVS	1.500	4.500	6.750.000	-	-	-	
	Đạm Ure	60	10.000	600.000	60	10.000	600.000	
	Lân Supe	400	4.000	2.400.000	400	4.000	1.600.000	
	Kaliclorua	120	12.000	1.440.000	-	-	-	
	Nilon	100	50.000	5.000.000	-	-	-	
	Vôi bột	500	2.500	1.250.000	300	2.500	750.000	
	Thuốc BVTV			1.000.000			1.500.000	
2	Công lao động		150.000	10.500.000			19.500.000	
2.1	Làm đất			1.050.000			3.750.000	
	Nhân công (công)	5	150.000	750.000	25	150.000	3.750.000	
	Dầu mỡ (lít)	20	15.000	300.000				
2.2	Gieo trồng (công)	4	150.000	600.000	35	150.000	5.250.000	
2.3	Chăm sóc (công)	14	150.000	2.100.000	25	150.000	3.750.000	
2.4	Thu hoạch (công)	25	150.000	3.750.000	25	150.000	3.750.000	
2.5	Bứt củ (công)	20	150.000	3.000.000	20	150.000	3.000.000	
II	Khoản thu			76.950.000			63.000.000	
1	Năng suất	3.078	25.000	76.950.000	2.520	25.000	63.000.000	
III	Lãi thuần (đồng)			36.010.000			27.050.000	8.960.000
IV	MBCR							+2,8

Ghi chú: Giá các loại vật tư theo thị trường tại thời điểm triển khai mô hình; Giá bán lạc tại thời điểm sau thu hoạch.

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất lạc L14 so với trồng lúa tại Xuân Giao - Bảo Thắng - Lào Cai, vụ Xuân 2018

TT	Khoản mục	MHTC lạc			Sản xuất lúa (LC25, VL20, BT7,...)			So sánh Hiệu quả kinh tế giữa MHTC lạc và SX lúa (đồng)
		Lượng (kg)	Giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Lượng (kg)	Giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
I	<i>Khoản chi</i>			40.940.000			24.300.000	
1	Vật tư			30.440.000			9.300.000	
	Giống	240	50.000	12.000.000	50	20.000	1.000.000	
	Phân bón			11.190.000			6.800.000	
	Phân HCVS	1.500	4.500	6.750.000				
	Đạm Ure	60	10.000	600.000	280	10.000	2.800.000	
	Lân Supe	400	4.000	2.400.000	550	4.000	2.200.000	
	Kaliclorua	120	12.000	1.440.000	150	12.000	1.800.000	
	Nilon	100	50.000	5.000.000	-	-	-	
	Vôi bột	500	2.500	1.250.000				
	Thuốc BVTV (đồng)			1.000.000			1.500.000	
2	Công lao động (công)			10.500.000			15.000.000	
II	<i>Khoản thu</i>			76.950.000			40.000.000	
1	Năng suất	3.078	25.000	76.950.000	5.000	8.000	40.000.000	
III	<i>Lãi thuần</i>			36.010.000			15.700.000	20.310.000
IV	MBCR							+ 2,2

Ghi chú: Giá các loại vật tư theo thị trường tại thời điểm triển khai mô hình; Giá bán lạc tại thời điểm sau thu hoạch.

Mô hình sản xuất giống lạc L14 áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới được sản xuất trên phần diện tích đất khó khăn về nước trong vụ Xuân. Do vậy để thấy rõ được hiệu quả chuyển đổi từ việc đưa mô hình sản xuất cây lạc trên đất lúa kém hiệu quả, đồng thời áp dụng các TBKT mới, tiến hành đánh giá số liệu qua bảng 5 cho thấy lãi thuần thu được sau khi trừ tất cả các khoản chi phí từ mô hình sản xuất giống lạc L14 áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vượt hơn so với sản xuất lúa là 20.310.000 đồng/ha, tương đương vượt 129,4% (lãi thuần thu được từ sản xuất lúa là 15.700.000 đồng/ha). Giá trị MBCR so sánh giữa 2 mô hình cho thấy mô hình sản xuất giống lạc L14 áp dụng TBKT mới là mô hình cho lợi nhuận cao, chấp nhận cho phát triển (MBCR = 2,2 > 2). Mô hình đã phát huy hiệu quả bền vững trong điều kiện thiếu nước canh tác.

3.5. Hiệu quả khác của mô hình lạc

- Hiệu quả về mặt kỹ thuật:

Phổ biến và phát triển các TBKT trong sản xuất nông nghiệp của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt

Nam và các TBKT trong ngành nông nghiệp đến huyện Bảo Thắng nói riêng và tỉnh Lào Cai nói chung.

- Hiệu quả về xã hội:

+ Mô hình đã huy động được nông dân tham gia, góp phần ổn định xã hội và nâng cao thu nhập cho gia đình.

+ Đưa cơ giới hóa vào những khâu sản xuất có thể áp dụng được cho các tỉnh miền núi phía Bắc, qua đó góp phần giảm chi phí nhân công đồng thời giải phóng một phần sức lao động của người dân.

+ Mở rộng các mô hình trình diễn ra phạm vi rộng hơn với mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

+ Thay đổi nhận thức, xóa bỏ tập quán canh tác cũ, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, giảm công lao động cho nông dân (gieo hạt, làm cỏ, xới xáo, vun gốc,...). Tạo cơ hội để các hộ dân giao lưu, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho bà con nông dân tại xã Xuân Giao.

+ Đã tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây lạc đạt năng suất cao cho hơn 200 hộ dân (21 hộ trực tiếp tham gia mô hình) và các hộ nông dân bên ngoài mô hình.

- Hiệu quả về môi trường:

Mô hình sản xuất lạc L14 che phủ nilon đã góp phần hạn chế cỏ dại, giữ ẩm đất, giữ phân bón, đồng thời giảm sâu bệnh hại trên cây lạc qua đó hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV, thuốc trừ cỏ... giảm tác động đến môi trường đất nước, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Mô hình thâm canh giống lạc L14 và kỹ thuật sản xuất tiến bộ cho năng suất thực thu đạt trung bình 30,78 tạ/ha, cao hơn so với sản xuất đại trà 22,14%; Lãi thuần: 36.010.000 đồng/ha, cao hơn so với sản xuất lạc trồng đại trà là 8.960.000 đồng/ha (vượt 33,1%).

- So sánh với sản xuất lúa trên cùng chân đất, MHTC lạc vượt hơn sản xuất lúa là 20.310.000 đồng/ha (vượt 129,4%). MBCR (tỷ suất lợi nhuận cận biên) đều cho giá trị > 2: từ 2,2 (lúa) đến 2,8 (lạc đại trà).

4.2. Đề nghị

- Dự án KOPIA tiếp tục hỗ trợ kinh phí để nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả và phù hợp với nhu cầu nguyện vọng của người dân địa phương.

- Tuyên truyền quảng bá mô hình trên các phương tiện truyền thông.

- Các cơ quan ban ngành và chính quyền các cấp có những chính sách phù hợp để hỗ trợ, khuyến khích người dân áp dụng TBKT mới vào sản xuất, liên kết doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn Trung tâm Nông nghiệp Quốc tế Hàn Quốc tại Việt Nam (KOPIA) do Tổng Cục Phát triển Nông thôn Hàn Quốc (RDA) tài trợ để thực hiện và Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS) hỗ trợ nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011. QCVN 01-57:2011/BNNPTNT. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống lạc.
- Đỗ Kim Chung, 2011. *Giáo trình Phương pháp khuyến nông*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
- Ngô Thế Dân, Đào Thị Dung, Nguyễn Thị Chinh, Vũ Thị Đào, Phạm Văn Toàn, Trần Đình Long, Gowda, 2000. *Kỹ thuật trồng lạc đạt năng suất cao*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
- UBND tỉnh Lào Cai, 2015. Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: <http://gdla.gov.vn/uploads/ThongKe2014/LaoCai/10.pdf>; truy cập ngày 1/6/2019.
- CIMMYT, 1988. *Xác định tỷ suất chi phí lợi nhuận cận biên Marginal Benefit Cost Ratio (MBCR)*.

Effectiveness of peanut intensive cultivation model on ineffective rice land

Le Quoc Thanh, Vu Thi Khuyen, Nguyen Thanh Phuong, Le Thanh Tung, Nguyen Thi Phuong Lan

Abstract

Korea Program on International Agriculture (KOPIA) collaborated with Vietnam Academy of Agricultural Sciences (VAAS) to implement the project “Agricultural technology development and dissemination in Lao Cai and Quang Tri under KOICA Happiness Programs” during 2016-2018 with the aim of developing and disseminating of new technologies in agricultural production to enhance the farmers’ income. 6 cultivation models of major crops including rice, peanut, soybean and maize were built by the Center for Technology Development and Agricultural Extension during 2 years of implementation. These cultivars had higher yield than current local cultivars. All demonstration models of the project had profit ranging from 12.82 million VND/ha to 36.01 million VND/ha. The peanut L14 cultivation model had the highest profit of 36,010,000 VND/ha, which was 8,960,000 VND/ha higher than the control (33,1%) when applying hand-pushed seeding tool and covering nylon. The profit of the peanut cultivation model was 20,310,000 VND/ha higher than the rice cultivation.

Keywords: Peanut variety L14, demonstration model, happiness program, KOPIA

Ngày nhận bài: 1/7/2019
Ngày phản biện: 15/7/2019

Người phản biện: TS. Nguyễn Thị Chinh
Ngày duyệt đăng: 9/8/2019

KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT LẠC GIỐNG NGUYÊN CHỦNG VỤ THU ĐÔNG 2018 TẠI NGHỆ AN

Phạm Văn Linh¹, Võ Văn Trung¹, Trần Thị Thanh Hoa¹,
Nguyễn Thị Thanh¹, Trần Thị Duyên¹, Trịnh Đức Toàn¹,
Lê Văn Vinh¹, Bùi Văn Hùng¹, Lê Ngọc Lan²

TÓM TẮT

Kết quả xây dựng mô hình sản xuất lạc giống Nguyên chủng vụ Thu Đông thuộc dự án “Phát triển nông thôn mới thông qua thiết lập hệ thống sản xuất và phân phối hạt giống cho cây lạc ở Việt Nam” triển khai tại Nghệ An năm 2018 cho thấy năng suất lạc vụ Thu Đông đều đạt từ 2,46 - 2,81 tấn/ha, cao hơn sản xuất các giống lạc khác từ 3,5 - 5,0 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng từ 21,5 - 27,5 triệu đồng. Kết quả của nghiên cứu bước đầu giúp nâng cao khả năng tiếp cận của người nông dân đến sản xuất lạc giống, đẩy mạnh việc tự sản xuất giống ở cấp thôn, phát triển công nghệ sản xuất và tăng thu nhập cho nông dân.

Từ khóa: Cây lạc, mô hình, hạt giống nguyên chủng, vụ Thu Đông

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tỉnh Nghệ An chiếm gần 1/4 diện tích trồng lạc của cả nước, với diện tích bình quân là 17.000 ha, năng suất đạt 24,5 tạ/ha, sản lượng đạt 41.650 tấn, đứng đầu về sản xuất lạc nhân. Diện tích lạc tập trung lớn nhất hiện nay là huyện Nghi Lộc (3.400 ha), tiếp đến là huyện Diễn Châu (3.200 ha), năng suất bình quân ở 2 huyện này đạt từ 25 - 30 tạ/ha. Sản xuất lạc tập trung chủ yếu vào vụ Xuân (vụ chính) với diện tích trên 20.000 ha, sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nội tiêu và xuất khẩu. Vụ Hè Thu-Mùa khoảng trên 1.200 ha và Vụ Thu Đông trên 1.300 ha, sản phẩm chủ yếu dùng để cung cấp giống cho vụ lạc Xuân năm sau (Sở Nông nghiệp & PTNT Nghệ An, 2017). Tuy nhiên, do điều kiện về địa hình và thời tiết khí hậu vụ Thu Đông tại Bắc Trung Bộ khắc nghiệt (mưa, bão thất thường) nên việc sản xuất lạc giống gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, chỉ có một số huyện thị tại Nghệ An sản xuất được lạc giống vụ Thu Đông với số lượng ít, nguồn giống để sản xuất lạc giống chủ yếu là bà con tự để giống từ năm trước, chất lượng giống kém, kỹ thuật sản xuất còn theo truyền thống cũ, trồng theo băng, không che phủ ni-lông nên không đảm bảo năng suất cũng như chất lượng giống nhất là khi gặp mưa bão.

Với mục tiêu góp phần đưa giống lạc mới, phổ biến quy trình kỹ thuật sản xuất lạc giống cấp Nguyên chủng trong vụ Thu Đông tại Nghệ An cho bà con sản xuất lạc, đồng thời khuyến cáo việc mở rộng sản xuất lạc giống đạt chất lượng cao, giải quyết việc thiếu hụt nguồn lạc giống nguyên chủng cho sản xuất lạc giống cấp xác nhận ở địa phương, được sự tài trợ của Trung tâm KOPIA Việt Nam, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ đã tiến

hành xây dựng các mô hình sản xuất lạc giống tại 3 xã của 3 huyện khác nhau thuộc tỉnh Nghệ An (xã Nghi Long - huyện Nghi Lộc, xã Nam Lộc - huyện Nam Đàn và xã Diễn Thịnh - huyện Diễn Châu).

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống lạc: Sử dụng giống lạc L20 và TK10.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp triển khai mô hình

Giống lạc L20 và TK10 được Viện KHKT Nông nghiệp Bắc Trung Bộ sản xuất Siêu nguyên chủng. Các hạt giống sau khi thu hoạch sẽ được phân phối cho các hộ dân tham gia để triển khai sản xuất lạc giống nguyên chủng tại địa phương. Sản phẩm cuối cùng được Trung tâm Khảo kiểm nghiệm Giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia kiểm định chất lượng hạt giống, được đóng gói nhãn mác theo quy định và bao tiêu sản phẩm.

Trong quá trình triển khai, các cán bộ địa phương và hộ dân được tập huấn về cách tổ chức, quản lý và hoạt động theo mô hình làng Nông thôn mới của Hàn Quốc, được tập huấn về quy trình kỹ thuật sản xuất lạc giống Nguyên chủng.

2.2.2. Kỹ thuật áp dụng

Ứng dụng kết quả nghiên cứu kỹ thuật sản xuất lạc giống vụ Thu Đông trên đất gò đồi vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Hoàng Minh Tâm và *ctv.*, 2011), kết hợp với quy trình công nghệ sản xuất lạc đạt 5,0 tấn/ha của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ (Phạm Văn Chương và *ctv.*, 2008).

¹ Viện khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ; ² Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam